UBND XÃ NGHĨA LÂM
TRƯỜNG TH NGHĨA LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/ BC-THNL

Nghĩa Lâm, ngày 30 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG KHAI THÁNG 9 NĂM 2026
(Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 5548/BGDĐT-QLCL ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027, trong đó yêu cầu thực hiện công khai và chế độ báo cáo theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ tình hình tổ chức, hoạt động và yêu cầu công khai thông tin của Trường Tiểu học Nghĩa Lâm sau sắp xếp, với quy mô 55 lớp, 1.891 học sinh, 98 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 06 cơ sở/điểm trường;

Trường Tiểu học Nghĩa Lâm báo cáo kết quả thực hiện công khai tháng 9 năm 2026 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG SAU SẮP XẾP

Trường Tiểu học Nghĩa Lâm là cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc UBND xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình. Trường được hình thành từ việc sáp nhập các trường tiểu học trên địa bàn: Tiểu học Nghĩa Lâm- TH Nghĩa Hùng và TH Nghĩa Hải; từ ngày 01/9/2026 theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND xã Nghĩa Lâm về việc thành lập Trường Tiểu học Nghĩa Lâm trên cơ sở sáp nhập các trường Tiểu học Nghĩa Lâm, Tiểu học Nghĩa Hùng và Tiểu học Nghĩa Hải.

Sau sắp xếp, nhà trường tổ chức hoạt động trên 06 cơ sở/điểm trường, quy mô 55 lớp với 1.891 học sinh trong đó có 21 học sinh học hòa nhập; tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 98 người, trong đó có 07 giáo viên, nhân viên hợp đồng .

1. Đội ngũ:

	SL	Nữ	BC	HĐ	Nghỉ TS	Đảng viên	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
Tổng số	**98(7HĐ)**	**83**	**92**	**6**	**4**	**61**	**67(3HĐ)**	**27(2HĐ)**	**4(2HĐ)**
BGH	4	2	4	0	0	4	4	0	0
Kế toán	1	0	1	0	0	1	0	1	0
Y tế	4	3	4	0	0	0	0	4	0
Văn thư	1	0	1	0	0	0	0	0	1
Phục vụ	5	3	2	3	1	0	2(2HĐ)	0	3
GV Văn hóa	61	59	58	3	3	47	41(1HĐ)	20	0
GV GDTC	5	3	5	0	0	3	5	0	0
GV Mĩ thuật	4	2	4	0	0	1	2	2	0
GV Âm nhạc	3	3	3	0	0	1	3	0	0
GV Tin	4	4	4	0	0	3	4	0	0
GV T.Anh	6	4	6	0	0	1	6	0	0

2.Học sinh:(Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2026)

Khối	**Số lớp**	**Số HS**	**HSLB**	**K. Tật**	**BQ số HS/lớp**	**Ghi chú**
Một	10	345	4	3	34,5	
Hai	12	373	0	2	31	
Ba	11	386	3	6	35	
Bốn	11	402	2	8	36,7	
Năm	11	385	0	2	35	
Tổng số	**55**	**1891**	**9**	**21**	34,4	

	K1	K2	K3	K4	K5	Tổng HS	KT
Điểm chính (Gồm Thôn Nghĩa Hải và điểm lẻ 1;2)	**183**	**191**	**224**	**207**	**208**		**12**
Thôn Nghĩa Hải	*77*	*94*	*116*	*135*	*138*		*7*
Điểm lẻ 1	*24*	*33*	*40*				*2*
Điểm lẻ 2	*82*	*64*	*68*	*72*	*70*		*3*
Phân hiệu 1	**62**	**85**	**70**	**80**	**82**		**2**
Phân hiệu 2(Gồm thôn Văn giáo và Điểm lẻ 3)	**100**	**97**	**92**	**116**	**95**		**7**
Thôn Văn Giáo	*68*	*64*	*65*	*78*	*63*		*4*
Điểm lẻ 3	*32*	*33*	*27*	*38*	*32*		*3*
Toàn trường	**345**	**373**	**386**	**402**	**385**	**1891**	**21**

II. THÔNG TIN CHUNG VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nghĩa Lâm.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

3. Loại hình: Trường tiểu học công lập.

4. Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Hiệu trưởng.

Số điện thoại: 0962375709

5.Địa chỉ trang Web: https://thnghialam.ninhbinh.edu.vn/

Địa chỉ gmail: *truongtieuhocnghialam.nb.gmail.com.*

6. Quy mô: 55 lớp; 1.891 học sinh; 98 cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức hoạt động tại 06 cơ sở/điểm trường.

7. Cơ cấu tổ chức sau sắp xếp

TT	Cơ sở/điểm trường	Số lớp	Ghi chú
1	Điểm trường chính	16 lớp	
2	Điểm lẻ Ngọc Lâm	3 lớp	
3	Điểm lẻ số 2 Thôn Ân Phú	10 lớp	
4	Phân hiệu 1- Thôn Văn Lâm	11 lớp	
5	Điểm lẻ số 3	5 lớp	

6	Phân hiệu 2- Thôn Văn Giáo	10 lớp	
	Tổng cộng	55 lớp	06 cơ sở/điểm trường

Việc phân công cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, giáo viên và nhân viên được thực hiện thống nhất cho toàn trường, bảo đảm mỗi cơ sở/điểm trường có người phụ trách và cơ chế phối hợp rõ ràng.

8. Các văn bản nội bộ phục vụ công khai

– Quyết định thành lập trường và các quyết định tổ chức lại nhà trường sau sắp xếp; Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy chế làm việc của Trường Tiểu học Nghĩa Lâm;

– Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027;

– Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027;

– Các quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên; phân công lãnh đạo phụ trách các cơ sở/điểm trường;

– Các quy định về công khai, dân chủ, tài chính, tài sản và phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1.Đội ngũ:

	SL	Nữ	BC	HĐ	Nghỉ TS	Đảng viên	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
Tổng số	**98(7HĐ)**	**83**	**92**	**6**	**4**	**61**	**67(3HĐ)**	**27(2HĐ)**	**4(2HĐ)**
BGH	4	2	4	0	0	4	4	0	0
Kế toán	1	0	1	0	0	1	0	1	0
Y tế	4	3	4	0	0	0	0	4	0
Văn thư	1	0	1	0	0	0	0	0	1
Phục vụ	5	3	2	3	1	0	2(2HĐ)	0	3
GV Văn hóa	61	59	58	3	3	47	41(1HĐ)	20	0
GV GDTC	5	3	5	0	0	3	5	0	0
GV Mĩ thuật	4	2	4	0	0	1	2	2	0

GV Âm nhạc	3	3	3	0	0	1	3	0	0
GV Tin	4	4	4	0	0	3	4	0	0
GV T.Anh	6	4	6	0	0	1	6	0	0

2. Công tác bố trí, sử dụng đội ngũ

– Rà soát, điều chỉnh phân công nhiệm vụ theo quy mô 55 lớp và 06 cơ sở/điểm trường; bảo đảm giáo viên được phân công phù hợp chuyên môn, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT.

– Phân công nhiệm vụ của BGH phụ trách các địa bàn phù hợp: duy trì chế độ giao ban vào chiều thứ hai hàng tuần, kiểm tra, nắm bắt tình hình chuyên môn, nền nếp và cơ sở vật chất tại từng điểm trường.

BGH	**Địa bàn phụ trách**	**Số lớp**	**Lĩnh vực chủ trì toàn trường**	**Cơ sở/đầu mối**
HIỆU TRƯỞNG	Phụ trách chung toàn trường	55	Phụ trách chung; tổ chức bộ máy, nhân sự; tài chính, thu–chi, tài sản; CSVC; công tác đối ngoại; quyết định/ủy quyền theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về toàn bộ hoạt động nhà trường.	Toàn trường – 06 cơ sở
ĐC Ngô Thị Thu Hiền	Cụm điểm trường chính: Điểm trường chính + Điểm lẻ 1: Ngọc Lâm + Điểm lẻ 2: Ân Phú	29	-Kế hoạch giáo dục; Kiểm tra, đánh giá; chất lượng giáo dục; SHCM; - Công tác học sinh; Y tế học đường, BHYT; Xanh-Sạch- Đẹp- An toàn. - HĐGD, KNS; HĐNGLL; Chữ viết đẹp. - Công tác truyền thông. -Phụ trách khối 5. Tổ Tiếng Anh+ Tin học	**Điểm chính**: 16 lớp – ĐC Trần Thị Nhạn **Điểm lẻ 1**: 3 lớp – ĐC Phạm Thanh Xuân **Điểm lẻ 2**: 10 lớp – ĐC Vũ Thị Khuyên
ĐC Lại Thanh Hải	Cụm 1: Phân hiệu 1 – Khu Văn Lâm	11	- Phụ trách khối 3; 4; - CNTT/CĐS; CSDL ngành; học bạ số; - BDTX;	**Phân hiệu 1**: 11 lớp – Đầu mối: ĐC

			- Công tác phổ cập. - Xây dựng chuẩn, KĐCL. Đánh giá chuẩn CB,GV.	Nguyễn Văn Đạt
ĐC Trần Văn Chiến	Cụm 2: Phân hiệu 2 – Khu Văn Giáo + Điểm lẻ 3 – Khu Sĩ Lâm	15	- Hồ sơ kiểm tra nội bộ. Thư viện, thiết bị. - Phụ trách khối 1; 2; Tuyển sinh đầu cấp -Tổ GDTC + Nghệ thuật; - PCCC; - Hồ sơ GV–HS; - GD địa phương; STEM/STEAM.	**Phân hiệu 2**: 10 lớp – Đầu mối: ĐC Trần Văn Hưởng. **Điểm lẻ 3**: 5 lớp – Đầu mối: ĐC Hoàng Thị Ngọc

– Thực hiện đầy đủ chế độ bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn chương trình, chuyển đổi số và các nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch năm học.

– Rà soát hồ sơ đội ngũ sau sắp xếp, tránh trùng lặp hoặc thiếu thông tin giữa hồ sơ cũ và hồ sơ của trường mới.

2. Đánh giá thực hiện trong tháng 9/2026

Nhà trường đã ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ, tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng; duy trì nền nếp dạy học tại 06 cơ sở/điểm trường.

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Do quy mô sau sắp xếp tăng lên 55 lớp và trải rộng tại 06 cơ sở/điểm trường, nhà trường đã thực hiện rà soát tổng thể cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học, phòng chức năng, khu vệ sinh, sân chơi, bãi tập, nước sạch, điện, Internet và thiết bị công nghệ thông tin tại từng cơ sở.

STT	Cơ sở/điểm trường	Diện tích đất (m²)	Phòng học	Phòng Tin học	Phòng Âm nhạc	Phòng Mỹ thuật	Phòng Tiếng Anh	Thư viện	Nhà vệ sinh GV	Nhà vệ sinh HS
1	Toàn trường	31.032	55	6	2	1	1	4	6	12
2	Điểm trường chính (thôn Nghĩa Hải)	14.291	16	1	1	0	0	1	1	2
3	Phân hiệu 1	8.210	11	1	0	0	0	1	1	2
4	Phân hiệu 2	8.947	15	1	1	1	1	1	1	2
5	Điểm lẻ 1 (thôn Ngọc Lâm)		3	1	0	0	0	0	1	2
6	Điểm lẻ 2 (thôn Ân Phú)		10	1	0	0	0	1	1	2
7	Điểm lẻ 3 (thôn Sỹ Lâm)		5	1	0	0	0	0	1	2

Hạng mục	Tình hình tháng 9/2026	Yêu cầu thực hiện
Phòng học và phòng chức năng	55 phòng học+ 13 phòng chức năng	Bảo đảm bố trí phòng học cho 55 lớp;
Máy tính	74 máy/6 phòng tin	Phục vụ dạy Tin học và chuyển đổi số
Ti vi	60 tivi/55 lớp	100% phòng học có ti vi kết nối mạng.
Internet	10 đường truyền tại 6 cơ sở	Bảo đảm kết nối phục vụ quản lý, dạy học
Thư viện	4 thư viện/6 điểm trường	Bảo đảm khai thác sách và hoạt động đọc
Y tế trường học	Kiểm kê, bổ sung thuốc ngay từ đầu năm học; kiểm tra khám sức khỏe đầu năm học phối hợp cùng trạm y tế xã.	Theo dõi sức khỏe học sinh
An toàn trường học	Đảm bảo an toàn về tường rào, điện, PCCC, vệ sinh	Thực hiện thường xuyên

Kết quả tháng 9: Đã thực hiện rà soát, bố trí lại phòng học và thiết bị; tiếp tục xác định nhu cầu sửa chữa, bổ sung, điều chuyển thiết bị giữa các cơ sở; bảo đảm điều kiện dạy học và an toàn cho học sinh.

V. QUY MÔ HỌC SINH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô học sinh năm học 2026-2027

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Tổng số lớp	55	Toàn trường
Tổng số học sinh	1.891	Toàn trường
Học sinh học hòa nhập	21	Theo hồ sơ quản lý học sinh
Cơ sở/điểm trường	06	Tổ chức dạy học phân tán

2. Tuyển sinh và ổn định sĩ số

– Thực hiện tuyển sinh theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiếp nhận học sinh đúng đối tượng, địa bàn và quy định hiện hành.

– Quản lý sĩ số theo từng lớp, từng cơ sở/điểm trường; phối hợp gia đình trong việc duy trì chuyên cần, hạn chế học sinh nghỉ học không có lý do.

– Rà soát học sinh chuyển đến, chuyển đi, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh cần hỗ trợ để bảo đảm quyền được học tập.

3. Thực hiện chương trình giáo dục

– Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027.

– Thực hiện giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM và các nội dung giáo dục tích hợp phù hợp với điều kiện nhà trường.

4. Hỗ trợ học sinh

Nhà trường duy trì công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh; thực hiện giáo dục hòa nhập đối với 21 học sinh có nhu cầu; phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng liên quan để hỗ trợ học tập, tâm lý, sức khỏe và điều kiện đến trường.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH

1. Nguyên tắc thực hiện

Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quy định; các khoản thu phải có căn cứ, được phê duyệt theo thẩm quyền, thông báo công khai và thực hiện đúng đối tượng, đúng mức thu, đúng mục đích. Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT hiện là văn bản quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Số liệu tài chính có căn cứ từ hồ sơ công khai của nhà trường

Nhận bàn giao từ các đơn vị trường cũ : sau sáp nhập tổng số tiền nhận bàn giao là:

Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng dự toán thu	11.913.330.000	
Ngân sách nhà nước cấp	11.562.674.000	
Nguồn thu từ người học	350.656.000	
Chi lương	10.822.330.000	
Chi cơ sở vật chất	275.000.000	
Chi hoạt động	816.000.000	

3. Các khoản thu năm học 2026-2027 đã được nhà trường báo cáo về UBND xã.

Khoản thu/dịch vụ	Mức thu	Đơn vị tính
Vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	20.000	đồng/học sinh/tháng
Nước uống	15.000	đồng/học sinh/tháng

VII. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, MIỄN GIẢM VÀ CÔNG KHAI VỚI CHA MẸ HỌC SINH

1. Thực hiện chính sách đối với học sinh

Nhà trường thực hiện rà soát đối tượng được hưởng chính sách; lập danh sách, hồ sơ và thực hiện chi trả/hỗ trợ đúng đối tượng, đúng thời gian. Các khoản hỗ trợ phải được theo dõi riêng, công khai theo quy định và bảo đảm bảo mật thông tin cá nhân cần thiết.

2. Quan hệ với Ban đại diện cha mẹ học sinh

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Việc vận động, tiếp nhận và sử dụng các nguồn hỗ trợ tự nguyện phải bảo đảm công khai, minh bạch, không áp đặt và không biến thành khoản thu bắt buộc.

Theo kết quả hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 01/10/2026 đã được nhà trường xây dựng hồ sơ, thống nhất không đặt ra khoản thu quỹ phụ huynh toàn trường; các hoạt động phối hợp phải thực hiện đúng tinh thần của quy định hiện hành về Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Công khai và trách nhiệm giải trình

– Thông tin công khai được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường theo các nhóm nội dung của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

– Thông tin được cập nhật khi có thay đổi; bảo đảm thống nhất giữa thông tin trên website, hồ sơ giấy, sổ kế toán và cơ sở dữ liệu ngành.

– Khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu báo cáo, nhà trường thực hiện cung cấp hồ sơ và số liệu theo đúng thời hạn.

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG KHAI TRONG THÁNG 9/2026

TT	Nội dung	Kết quả	Mức độ
1	Thông tin chung	Đã rà soát, cập nhật tên trường, cơ quan quản lý, người đại diện pháp luật và thông tin sau sắp xếp.	Hoàn thành
2	Quy mô trường lớp	Đã thống nhất số liệu 55 lớp, 1.891 học sinh, 06 cơ sở/điểm trường.	Hoàn thành
3	Đội ngũ	Đã rà soát quy mô 98 CB, GV, NV; 07 hợp đồng; tiếp tục chuẩn hóa cơ cấu chi tiết.	Thực hiện thường xuyên
4	CSVC – thiết bị	Đã rà soát, điều chuyển, bố trí thiết bị theo 06 cơ sở; xác định nhu cầu bổ sung.	Thực hiện thường

			xuyên
5	Kế hoạch giáo dục	Triển khai kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027 theo cơ cấu trường mới.	Hoàn thành theo tiến độ
6	Tài chính	Công khai các khoản thu, chính sách hỗ trợ và các căn cứ tài chính theo hồ sơ được phê duyệt.	Thực hiện
7	Website	Tổ chức công khai theo các nhóm nội dung của TT09/2024/TT-BGDĐT.	Thực hiện
8	Lưu trữ	Lưu quyết định, kế hoạch, biểu công khai, chứng từ và minh chứng tại văn phòng/ bộ phận phụ trách.	Thực hiện

Nhà trường xác định công khai là một nội dung thường xuyên gắn với trách nhiệm giải trình, không chỉ thực hiện vào một thời điểm.

IX. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP

– Quy mô trường tăng nhanh, địa bàn phân tán 06 cơ sở/điểm trường nên việc tổng hợp số liệu phải thực hiện từ nhiều đầu mối.

– Một số số liệu cơ sở vật chất và thiết bị của hồ sơ trước sắp xếp chưa còn phù hợp với quy mô 55 lớp; cần hoàn tất kiểm kê và cập nhật theo hiện trạng mới.

– Hồ sơ tài chính của năm trước và dự toán năm 2026 cần được đối chiếu với quyết định giao dự toán, điều chỉnh dự toán và chứng từ thực tế để bảo đảm số liệu công khai thống nhất.

– Cơ sở dữ liệu đội ngũ, học sinh và cơ sở vật chất cần tiếp tục đồng bộ giữa hồ sơ giấy, phần mềm quản lý và website.

Giải pháp: phân công rõ người chịu trách nhiệm từng nhóm dữ liệu; thực hiện kiểm tra chéo trước khi công khai; cập nhật ngay khi có thay đổi; lưu minh chứng theo từng nội dung của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

X. KẾT LUẬN VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Trong tháng 9 năm 2026, Trường Tiểu học Nghĩa Lâm đã tập trung ổn định tổ chức sau sắp xếp, thống nhất cơ cấu quản lý đối với 06 cơ sở/điểm trường, tổ chức dạy học với 55 lớp, quản lý 1.891 học sinh và 98 cán bộ, giáo viên, nhân viên; đồng thời rà soát các điều kiện bảo đảm chất lượng, công tác tài chính và các nội dung cần công khai.

Nhà trường cam kết các thông tin công khai là trung thực, chính xác, có nguồn minh chứng, được cập nhật kịp thời và thống nhất giữa các bộ phận.

Những số liệu phát sinh hoặc thay đổi sau ngày 30/9/2026 được cập nhật theo thời điểm có thông tin chính thức.

Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT hiện là căn cứ chính để nhà trường thực hiện công khai; Cục Quản lý Chất lượng xác định Thông tư 09 thay thế Thông tư 36/2017 và yêu cầu cơ sở giáo dục chủ động tổ chức thông tin công khai phù hợp với trang thông tin điện tử. [Căn cứ: Cục QLCL, Bộ GD&ĐT].

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công khai tháng 9 năm 2026 của Trường Tiểu học Nghĩa Lâm sau sắp xếp.

Nơi nhận:

– UBND xã Nghĩa Lâm (báo cáo);
– Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của trường;
– Các bộ phận liên quan để thực hiện;
– Lưu: VT, hồ sơ công khai.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hiền